

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 25 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Tuyên

Ông Đinh Đăng Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/TLST - HS ngày 18/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HS ngày 12/7/2019 đối với bị cáo:

Vũ Cường Q (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 07 tháng 4 năm 1995 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thanh V và bà Vương Thị X; vợ là Hứa Thị H; con: Có 01 con; tiền án: 01 - Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú ” - Có mặt.

- Bị hại: Ông Lương Văn Ph - Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị H - Sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Vương Thị X - Sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 15 phút ngày 18/10/2018, Vũ Cường Q (sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) tỉnh dậy và đi ra bể nước của gia đình để đánh răng, rửa mặt thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel 100 biển kiểm soát 97F3 - 2957 của ông Lương Văn Ph (sinh năm 1973; trú tại thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) để góc sân nhà Q, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện (ông Ph để xe mô tô tại sân nhà Q và không nhờ ai trong gia đình Q trông coi, quản lý) nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. Sau khi đánh răng, rửa mặt xong, Q đi ra chỗ để xe mô tô nổ máy và lái ra khỏi nhà. Khi đó mẹ Q là bà Vương Thị X hỏi: “đi đâu đấy?”, Q đáp: “con đi xuống dưới này một tí”, bà X nói: “không được lấy xe đi” nhưng Q vẫn chạy xe ra khỏi nhà và đi đến nhà chị Vũ Thị H (sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã C, huyện B) hỏi vay số tiền 400.000đ và nói với H để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F3 - 2957 làm tin. Do không có đủ tiền nên chị H chỉ đồng ý cho Q vay số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Nhận tiền xong, Q đi bộ đến nhà anh Nguyễn Trung K (sinh năm 1980; trú tại thôn N, xã C, huyện B) hỏi vay số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và được K đồng ý. Sau đó, Q quay lại nhà chị H hỏi vay thêm 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) tiền lẻ để đi xe buýt. H đồng ý cho Q vay thêm 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Sau đó, Q ra đường Quốc lộ 3 bắt xe buýt xuống thành phố B chi tiêu hết số tiền vay được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL - ĐGTS ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: “Tại thời điểm tháng 10/2018, xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel 100 xe cũ đã qua sử dụng có giá là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)”.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-BT ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử đối với Vũ Cường Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 05/2018/HS-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân thành phố Bắc Kạn và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng: Không có nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định: Hồi 08 giờ 15 phút ngày 18/10/2018, tại nhà của Vương Thị X thuộc thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Vũ Cường Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel 100 biển kiểm soát 97F3 - 2957 có giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) của ông Lương Văn Ph.

Hành vi của bị cáo được thực hiện khi bị cáo đã có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cáo trạng số 20/CT-VKS-BT ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Thông truy tố Vũ Cường Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu - Đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra đối với xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần buộc bị cáo đi cải tạo tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong thời gian đang chấp hành thời gian thử thách của án treo tại bản án số 05/2018/HS-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B. Do đó, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của bản án số 05/2018/HSST của Tòa án nhân dân thành phố B và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, HĐXX không áp dụng.

Đối với chị Vũ Thị H là người đã cho Q vay số tiền 220.000đ khi Q để lại chiếc xe mô tô làm tin. Bản thân H không biết đây là tài sản do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) không xem xét xử lý H là đúng quy định.

Đối với anh Nguyễn Trung K cho Vũ Cường Q vay số tiền 200.000đ nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của Q nên CQCSĐT không xử lý K là đúng quy định.

Đối với bà Vương Thị X là người biết việc Q lấy xe mô tô của ông Ph đi, sau đó bà X nói cho ông Ph biết nhưng bà X không biết mục đích của Q lấy xe đi đâu, làm gì nên CQCSĐT không xem xét trách nhiệm của bà X là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: CQCSĐT đã thu giữ và trả lại chiếc xe mô tô cho bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu bồi thường. Ngày 01/4/2019, Quốc trả lại cho chị H số tiền đã vay là 220.000đ, chị Hằng không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel 100 biển kiểm soát 97F3 - 2957 đã trả lại cho bị hại.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vũ Cường Q phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Cường Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Buộc Vũ Cường Q phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 05/2018/HS - ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc Vũ Cường Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Vũ Cường Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện B;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thế Doanh